

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2021/DS-ST
Ngày: 24/02/2021
V/v: Tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Ông Lê Đình Thủ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 706/2020/TLST-DS ngày 01/10/2020 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 06/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-DS ngày 26/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1973;

Bà **Nguyễn Thị Phương L**, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Việt C**, sinh năm 1963;

Bà **Võ Hồng H**, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2020 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/8/2020 của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Phương L và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Ngọc T trình bày như sau: Ngày 19/11/2010, vợ chồng ông Nguyễn Văn Việt C và bà Võ Hồng H có vay của ông T, bà L số tiền 75.000.000 đồng, nguồn tiền này ông T, bà L vay ngân hàng về cho ông C, bà L vay lại, có làm biên nhận (trong biên nhận ghi Võ Hồng H), lãi suất 1,225%/tháng

(theo lãi suất ngân hàng) đóng hàng tháng, ông C, bà H hứa khi nào ông T, bà L trả vốn gốc vay ngân hàng thì ông C, bà H sẽ trả đủ vốn gốc cho ông T, bà L.

Ông C, bà H hứa đóng lãi hàng tháng nhưng chỉ đóng được vài tháng đầu là liên tục, sau đó có tháng đóng lãi phân nửa, có tháng không đóng. Là chủ ruột của bà L nên những tháng ông C, bà H không đóng lãi thì bà L cho luôn không đòi. Ông C, bà H có đóng lãi cho ông T, bà L nhưng đóng bao nhiêu tháng và đóng số tiền bao nhiêu thì ông T, bà L không nhớ. Tại phiên tòa ông T, bà L khẳng định ông C, bà H đóng lãi suất 1,225%/tháng (theo lãi suất ngân hàng) nhưng đóng không đủ và cũng không yêu cầu thêm.

Đến ngày 02/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 10/10/2018 dương lịch), ông T, bà L đã trả nợ gốc cho ngân hàng xong. Mặc dù, ông T, bà L có nhắc nhở việc trả nợ nhưng đến nay thì ông C, bà H vẫn chưa trả tiền cho ông T, bà L. Ông C, bà H còn nợ ông T, bà L số tiền vốn gốc là 75.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 10/2018 đến nay.

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Phương L yêu cầu ông Nguyễn Văn Việt C, bà Võ Hồng H trả cho ông T, bà L số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 19/10/2018 đến ngày 13/7/2020 là 20 tháng 24 ngày, mức lãi suất 1,5%/tháng số tiền là: $75.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1,5\% / \text{tháng} = 24.400.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 99.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Văn Việt C, bà Võ Hồng H trả cho ông T, bà L số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng và tiền lãi theo mức thỏa thuận 1,22%/tháng, tính từ ngày 10/10/2018 đến 24/02/2021 tính tròn 28 tháng, với số tiền: $75.000.000 \times 28 \times 1,22\% = 25.620.000 \text{ đồng}$. Tổng tiền vốn và lãi là 100.620.000 đồng (Một trăm triệu, sáu trăm hai chục ngàn đồng).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L thống nhất phần trình bày của ông T, bà không bổ sung gì thêm.

- Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn Việt C và bà Võ Hồng H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Biên nhận mượn tiền có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp C, xã H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay giữa các đương sự là hợp đồng vay không có kỳ hạn, phía bị đơn có vi phạm nghĩa vụ trả lãi nhưng nguyên đơn xác định hai bên vẫn thỏa thuận cho bị đơn có bao nhiêu tiền thì đóng bấy nhiêu, cho đến tháng 9/2018 thì bị đơn ngưng đóng lãi hoàn toàn đây được xem là thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Mặt khác bị đơn hoàn toàn không có ý kiến gì về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đến ngày nguyên đơn khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Việt C, bà Võ Hồng H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Phương L yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn Việt C, bà Võ Hồng H trả cho ông T, bà L số tiền vay là 75.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận vay tiền ngày 19/11/2010 có nội dung Nguyễn Văn Việt C, vợ Võ Hồng H nhận nợ của vợ chồng Nguyễn Ngọc T số tiền 75.000.000 đồng, có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Nguyễn Văn Việt C và Võ Hồng H. Xét thấy, tài liệu, chứng cứ trên là bản gốc và có nội dung phù hợp với nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông T, bà L và ông C, bà H có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 75.000.000 đồng, đã được ông T, bà L chứng minh bằng biên nhận mượn tiền đề ngày 19/11/2010 có chữ ký của ông C, bà H. Tờ biên nhận này do ông T, bà L giao nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của ông T, bà L.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông C, bà H. Tuy nhiên, ông C, bà H vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặt khác, tại khoản 2

Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”; và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.....*”.

Đối với yêu cầu về lãi suất, tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc T chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Việt C, bà Võ Hồng H trả cho ông T, bà L số tiền lãi theo mức 1,22%/tháng (mức thỏa thuận là 1,225%/tháng), tính từ ngày bên bị đơn vi phạm trả lãi là ngày 10/10/2018 đến 24/02/2021, chỉ tính tròn 28 tháng, với số tiền: $75.000.000 \times 28 \times 1,22\% = 25.620.000$ đồng. Xét hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất, bị đơn vi phạm, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất trên là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Phương L.

Buộc ông Nguyễn Văn Việt C và bà Võ Hồng H có trách nhiệm liên đới trả cho ông T, bà L số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng, tiền lãi là 25.620.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 100.620.000 đồng (Một trăm triệu, sáu trăm hai chục ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.031.000 đồng, ông Nguyễn Văn Việt C và bà Võ Hồng H phải chịu.

+ Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Phương L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000 đồng theo biên lai số 0004124 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Văn Phong

